**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGHI SƠN**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌCLỊCH SỬ, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5 Số học sinh: 220

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 7;

**Trình độ đào tạo**: Đại học: 4........

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên** [[1]](#footnote-2)**:** Tốt: 100%

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính xách tay cá nhân  Ti vi | Máy tính 1 bộ  Ti vi mỗi phòng 1 cái | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Tranh ảnh, bản đồ | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV khai thác hiệu quả |
| 3 | Đồ dùng trực quan | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn | 01 | Sinh hoạt tổ - nhóm chuyên môn | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ - nhóm |
| 2 | Phòng đa năng | 01 | Dạy các tiết chủ đề,chuyên đề | GV đăng kí sử dụng |
| 3 | Phòng ĐDDH | 01 | Lưu giữ ĐDDH | GV kí mượn – trả |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-3)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Bài1.Lịch sử và cuộc sống | 1 | **1**. Kiến **thức**  - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù:** Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích.  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:  + Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  + Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục lòng yêu nước: biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, Bảo Tàng |
| 2 | Các nhà sử học dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử | 1 | **1**. Kiến **thức**  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu(tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết).  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù:** Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích.  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:  + Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu(tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết).  + Khai thác một số kênh hình trong bài học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:Nhận xét được ưu nhược của mỗi laoij tư liệu lịch sử  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục lòng yêu nước: biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, Bảo Tàng  - Giáo dục tinh thần trách nhiệm: biết giữ gìn và bảo tồn các di sản văn hóa.  - Giáo dục tính chăm chỉ: tìm hiểu và thu thập các thông tin, hình ảnh trong bài học |
| .3.. | Bài 3. Cách tính thời gian trong lịch sử | 1 | **1**. Kiến **thức**  - Cách tính thời thời gian trong lịch sử theo duơng lịch và âm lịch.  - Cách tính thời gian theo Công lịch và những quy ước gọi thời gian theo chuẩn quốc tế  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử “Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử như thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch.  **-** Nhận thức và tư duy lịch sử  + Hiểu cách tính thời gian theo quy ước chung của thế giới.  - Phát triển năng lực vận dụng  + Biết đọc, ghi, và tính thời gian theo quy ước chung của thế giới.  + Sắp xếp các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.  **\* Năng lực chung:** tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo  **3. Phẩm chất**  + Tính chính xác khoa học trong học tập và cuộc sống  + Biết quý trọng thời gian đề có trách nhiệm với cuộc sống hiện tại của mình |
| 4 | Bài 4, Nguồn gốc loài người | 2 | **1**. Kiến **thức**  - Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.  - Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:  + Quan sát khai thác và sử dụng được thông tin một số tư liệu lịch sử. Kể tên những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên khu vực ĐNA và Việt Nam  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất  + Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam trên bản đồ  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:  +Lý giải một số vấn đề thực tiễn mà các em quan sát được trong thực tế (các màu da khác nhau trên thế giới, suy luận về quá trình tiến hoá của con người hiện nay)  **\* Năng lực chung:** tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo  **3. Phẩm chất**  Giáo dục bảo vệ môi trường sống tình cảm đối với tự nhiên là nhân loại |
| 5 | Bài 5. Xã hội nguyên thủy | 2 | **1**. Kiến **thức**  - Các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).  - Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.  Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy  + Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam  + Đánh giá được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người thời nguyên thủy và xã hội loài người  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học  + phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên  + sử dụng kiến thức về vai trò của lao động để liên hệ với vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội  **\* Năng lực chung**: tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo  **3. Phẩm chất**  + Ý thức được tầm quan trọng của lao động với bản thân và xã hội   * + biết ơn con người xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực thực... |
|  | Bài 6. Sự chuyển và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ | 2 | **1**. Kiến **thức**  Quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  **-** Sựtan rã của xã hội nguyên thuỷ và sự hình thành xã hội có giai cấp trên thế giới và ở Việt Nam.  **-** Sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên **t**huỷ ở phương Đông  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  +Trình bày được quá trình phát triển ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy trang xã hội có giai cấp  + Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  + Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.  +Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở Phương Đông  + Trình bày được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:  +tập tìm hiểu lịch sử giống như một nhà sử học (Viết văn bản lịch sử dựa trên Chứng cứ lịch sự̉)  + vận dụng kiến thức Lịch sử để mô tả một số hiện tượng trong cuộc sống ( những đồ vật xung quanh em thừa hưởng phát minh ra kim loại từ thời nguyên thủy)  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**   * Tình cảm đối với thiên nhiên và nhân loại. tôn trọng những giá trị nhân bản của loài người nhưng sự bình đẳng trong xã hội,tôn trọng di sản văn hóa của tổ tiên để lại |
|  | Kiểm tra giữa kỳ I | 1 | **1**. Kiến **thức**  **+** Kiểm tra kiến thức trong 5 bài đã học (bài 1 đến bài 5)  **2. Năng lực**  + nêu tên và tình bày được ý nghĩa của các loại tư liệu lịch sử  + Nêu được sự xuất hiện con người trên Trái Đất  + Trình bày được sự khác nhau giữa người tối cổ và người Tinh khôn về hình dáng, công cụ, tổ chức xã hội  + giải thích được sự  tan rã của  xã hội nguyên thủy;  - Rèn luyện kỉ năng  nêu và đánh giá vấn đê, so sánh...  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra.. |
|  | Bài 7 . Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | 3 | **1**. Kiến **thức**  - Điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.  - Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.  - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử**:** Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu để. Nêu được tên những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà  - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập, Lưỡng Hà  + Trình bày được một số công trình kiến trúc tiêu biểu  - Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học  - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành của nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại  Vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề; quan sát lớp học, kết hợp với kiến thức toán học tính toán chiều cao của lớp học với chiều cao của kim tự tháp Keops để hình dung ra sự kì vĩ, to lớn của kim tự tháp.  **\*Năng lực chung**: tự chủ và tự học (Thích ứng với cuộc sống) qua việc HS biết liên hệ thực tiễn về vai trò của nguồn nước, đất đai đối với sự phát triển của những cộng đồng dân cư và với cá nhân.  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  Trân trọng những cống hiến mang tính tiên phong của nhân loại và bảo vệ những giá trị văn hoá của nhân loại. |
|  | Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 3 | **1**. Kiến **thức**  **+** Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại.  + Xã hội Ấn Độ cổ đại.  + Những thành tựu văn hoá tiêu biểu.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học.Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn Sông Hằng  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  +Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ  + Nêu và trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động 3 trang 45 về việc liên hệ kiến thức đã học vào thực tế  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục sự tôn trọng những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau khi nó cổ thành niềm tin của một cộng đồng |
|  | Ôn tập học kỳ | 1 | **1**. Kiến **thức ôn tập**  + Lịch sử là gì, cách tính thời gian trong lịch sử  + Xã hội nguyên thuỷ  + Ai cập, Lưỡng Hà,và Ấn Độ cổ đai  **2. Năng lực**  + Trình bày sự xuất hiện của con người trên Trái Đất; Các giai đoạn phát triển của thời nguyên thuỷ thông qua lao động sản xuất; Lý giải nguyên nhân tan rã của xã hội nguyên thuỷ  + Trình bày được tác động điều kiện tự nhiên đã hình thành nên các quốc gia cổ đại;  + trình bày và đánh giá những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.  + Biết so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện lịch sử tiêu biểu  + Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại |
|  | Kiểm tra học kỳ | 1 | **1**. Kiến **thức**  + Đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thuỷ  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  **2. Năng lực**  +Trình bày được nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ  + Nêu được tác động cảu điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành cac quốc gia cổ đại  + Nhận xét về xã hội thời cổ đại  + Đánh giá các thành tựu văn hoá thời cổ đại  **3. Phẩm chất**  Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra. |
|  | Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2 | **1**. **Về kiến thức**  + Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  +Sơ lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ 7.  + Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc thời kỳ này.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học nêu được các thành tựu văn hoá  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử::  + Trình bày được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại  + Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng  + Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam- Bắc triều đến thời nhà Tùy  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  +.biết trình bày và giải thích thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; về tư tưởng “ tiên học lễ, hậu học văn”  + Vận dùng hiểu biết để làm rõ vai trò của các phát minh kỹ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử  + Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc kh khác |
|  | Bài 10. Hy Lạp -Rô Ma cổ đại | 3 | **1**. Kiến **thức**  - Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, La mã cổ đại. - Nhà nước Hy Lạp, La Mã cổ đại. - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã thời kì này.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử :Kĩ năng đọc hiểu và phân tích thông tin năng lực phân tích tư liệu  - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Giới thiệu và phân tích được những tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã.  +Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.  + Trình bày một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.  - Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học  + Sử dụng kiến thức toán học để giải quyết câu hỏi trong bài  + Biết cách sử dụng các kiến thức đã học trong bài để giải quyết câu hỏi phần vận dụng  - Năng lực chung: Tự học, tự chủ, hợp tác, giao tiếp  **3. Phẩm chất**  - có thái độ trân trọng và đánh giá đúng đắn những công việc mang tính tiên phong của người Hy Lạp – La Mã đối với thế giới |
|  | Bài 11. Các quốc gia sơ kỳ Đông Nam Á | 2 | **1**. Kiến **thức**  -[Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử :Khai thác và sử dụng được thông tin có trong tư liệu, hình thành kĩ năng đọc bản đồ, lược đồ để xác định mối liên giữa các quốc gia cổ với các quốc gia Đông Nam Á hiện tại.  - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Trình bày được vị trí địa lý của khu vực  + Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ trước thế kỉ VII  - Phát triển năng lực vận dụng  + Vận dụng kiến thức để liên hệ với hiện tại (mối liên hệ giữa các vương quốc cổ, vương quốc phong kiến và các quốc gia Đông Nam Á hiện tại).  - Năng lực tự học, giao tiếp,hợp tác  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập  + Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa chung của khu vực Đông Nam Á  + Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung Asean |
|  | Bài 12. Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc ĐNA (thế kỷ VII-X) | 1 | **1. Kiến thức:**  - Một số đặc điểm căn bản về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X  **2. Năng lực:**  - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử :Khai thác và sử dụng được thông tin có trong tư liệu, hình thành kĩ năng đọc bản đồ, lược đồ để nêu tên được một số quốc gia phong kiến Đông Nam Á, xác định mối liên giữa các quốc gia phong kiến với các quốc gia Đông Nam Á hiện tại.  - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Trình bày được quá trình hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).  + Phân tích được tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đến thế 1II-X  - Phát triển năng lực vận dụng  + Vận dụng kiến thức để liên hệ với hiện tại (mối liên hệ giữa các vương quốc cổ, vương quốc phong kiến và các quốc gia Đông Nam Á hiện tại).  - Năng lực tự học, hợp tác  **3. Phẩm chất**  Tự hào về Đông Nam Á từ xa xưa đã là điểm kết nối quan trọng trên tuyến đường thương mại giữa phương Đông và phương Tây |
|  | Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỷ 10 | 1 | **1**. Kiến **thức**  Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu công nguyên đến thế kỷ 10  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Kỹ năng đọc bản đồ ( chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỷ X)  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  +Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á  + Hiểu được ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với sự phát triển của lịch sử trong 10 thế kỷ đầu Công Nguyên  + Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa đối với khu vực trong 10 thế kỷ đầu Công Nguyên  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  Xác định được chủ quyền biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và vương quốc nào ngày nay  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Trách nhiệm:từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh  + Nhân ái: giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hóa (học hỏi, hoa nhập, tập sống Thôn Tính, không xâm lược) |
|  | Bài 14. Nhà nước Văn Lang Âu Lạc | 4 | **1**. Kiến **thức**  - Quá trình dựng nước và buổi đầu giữ nước của tổ tiên người Việt.  - Những nhà nước cổ đại đầu tiên của người Việt: nước Văn Lang và nước Âu Lạc  - Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc  - Những phong tục trong văn hoá Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang – Âu Lạc.  **2. Năng lực**  - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học (truyền thuyết, tư liệu hiện vật, tư liệu gốc, sơ đồ, lược đồ. Nêu được khoảng thời gianthành lập, không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.  - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc  + Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc  - Phát triển năng lực vận dụng  +Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.  + Xác định được vị trí của kinh đô nước Âu Lạc theo địa bàn hiện tại.  +Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Văn Lang – Âu Lạc.  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc  + Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên |
|  | Bài 15. Chính sách cai trị của phong kiến hướng bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc | 3 | **1**. Kiến **thức**  **+** chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc:Tổ chức bộ máy cai trị, chính sách bóc lột về kinh tế ra văn hóa về văn hóa xã hội  + những chuyển biến về kinh tế, thế xã hội, I văn hóa ở Việt Nam thời Pháp thuộc  + Cuộc chiến chống đồng hóa, Tiếp thu văn hóa bên ngoài và bảo tồn văn hóa Việt  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:  Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học; Hình ảnh ảnh sơ đồ lược đồ  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc  + Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, thế xã hội, I văn hóa ở Việt Nam trong thời Bắc thuộc  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  Viết suy luận làm văn về một hậu quả từ chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với nước ta a  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc  + sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |
|  | Ôn tập | 1 | **1**. Kiến **thức**  + Trung quốc, Hy lạp, La Máx và các nước Đông Nam Á  + Nhà nước Văn Lang, Âu Lac  + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Băc đối với nước ta  **2. Năng lực**  + Lập bảng so sánh các quốc gia cổ đại  + Trình bày quá trình giao lưu thương mại và văn hoá khu vực ĐNA  + Lập bảng so sánh nhà nước Văn Lang và Âu Lac  + Nêu các chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Phương Băc đối với nước ta  - Bồi dưỡng kỹ năng bước đầu so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử  **-** Định hướng phát triển năng lực:  + Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm t  - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại |
|  | Kiểm tra giữa kỳ 2 |  | **1**. Kiến **thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Nhà nước Văn Lang Âu Lạc  + Chính sách cai trị của các triều đại phương Bắc đối với nước ta  **2. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề  + biết trình bày một bài lịch sử  **3. Phẩm chất**   Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra. |
|  | Bài 16. Các cuộc đấu tranh giành độc lập trước thế kỉ X | 5 | **1**. Kiến **thức**  Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trước thế kỉ X  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Cách sử dụng lược thông tin của các lược đồ, sơ đồ khởi nghĩa trong bài  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa  + Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu  + Trình bày kết quả ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu  + lập được biểu đồ, sơ đồ vì các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học học qua việc tham gia tập vận dụng  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |
|  | Bài 17. Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt | 1 | **1. Kiến thức**  - Cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:Giải mã các tư liệu lịch sử kênh hình và chữ viết có trong bài  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam thời Bắc thuộc  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hóa việt ở cả quá khứ và hiện tại  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc  + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |
|  | Bào 18. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉX | 2 | **1. Kiến thức**  Những sự kiện dẫn đến bước ngoặt trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta vào thế kỉ X  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử:khai thác và sử dụng những thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản trong bài  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  + Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  + Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học học qua việc tham gia tập vận dụng  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc |
|  | Bài 19. Vương quốc Cham pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 2 | **1. Kiến thức**  +Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham Pa  + Những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của cư dân Cham Pa  + Một số thành tựu văn hóa Cham pa  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách khai thác sử dụng các tư liệu để tiếp nhận kiến thức  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử  + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.  + Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  + Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Hiểu được yếu tố nào của văn hóa Cham Pa góp phần tạo nên sự phong phú của văn hóa Việt Nam  + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Champa vẫn được bảo tồn đến ngày nay  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy những tinh hoa văm hóa chămpa  + Giáo dục tinh thần tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ |
|  | Bài 20. Vương quốc Phù Nam | 2 | **1. Kiến thức**  +Qua trình hình thành, phát triển suy vong của vương quốc Phù Nam; những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của phù Nam; một số thành tựu văn hóa của Phù Nam  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được tư liệu để dựng lên bức tranh lịch sử gần đúng với sự thật nhất về thời kỳ Phù nam trên đồng bằng sông Cửu Long Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.  - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:  + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  + Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  + Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Nhận biết mối liên hệ giữa văn hóa phù nam với văn hóa Nam Bộ ngày nay  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Giáo dục niềm tự hào về vùng đất Nam bộ xưa- cữa ngõ giao lưu văn hóa thế giới của khu vực Đông Nam Á và có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, phát huy những tinh hoa văn hóa Óc Eo |
|  | Lịch sử địa phương | 1 | **1. Kiến thức**  + Thanh Hóa thời tiền sử  + Thah Hóa thời Văn Lang Âu Lac  + Thanh hóa thời kỳ Bắc thuộc  **2. Năng lực**  **\*Năng lực riêng/ đặc thù**  + Nêu được  các dấu tích trong thơi tiền sử  + Trình bày những nét chính, quá trình phát triển và những thành tựu của Nghệ An thời Văn Lang- Âu Lạc.  + Đánh giá được vị trí và vai trò của Thanh Hóa trong thời kỳ Bắc thuộc.  +Biết đánh giá nhận xét, so sánh, biết liên hệ thực tiễn qua các di sản của quê hương.  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục HS ý thức biết tôn trọng, biết ơn những thành quả mà cha ông ta để lại. Hiểuvà yêu lich sử quê hương, có ý thức bảo vệ và xây dựng quê hương |
|  | Ôn tập | 1 | **1. Kiến thức**  + Ôn tâp Tổng hợp kiến thức học kỳ 2  **2. Năng lực**  **+** Lập bảng so sánh cac quôc gia cổ đại  + Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).  +Lập bảng tổng hợp kiến thức Cham Pa – Phù Nam  **\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.  **3. Phẩm chất**  + Chăm chỉ, tự học tự chủ và giao tiếp |
|  | Kiểm tra cuối học kỳ 2 | 1 | **1. Kiến thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Các cuộc khởi nghĩa  + Chiến thắng bước ngoặt  + Nhà nước Chăm Pa, Âu Lạc  **2. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề ở mục kiến thức  + biết trình bày một bài lịch sử  **3. Phẩm chất**   - Hình thành ý thức nghiêm túc, tự giác, trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập. |
|  | Chữa bài KT và tổng kết điểm | 1 | * Chữ bài kiểm tra HK * Đánh giá quá trình học tập của từng em * Giao nhiệm vụ học tập trong hè |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuân 10 | **1**. Kiến **thức**  **+** Kiểm tra kiến thức trong 5 bài đã học (bài 1 đến bài 5)  **2. Năng lực**  + nêu tên và tình bày được ý nghĩa của các loại tư liệu lịch sử  + Nêu được sự xuất hiện con người trên Trái Đất  + Trình bày được sự khác nhau giữa người tối cổ và người Tinh khôn về hình dáng, công cụ, tổ chức xã hội  + giải thích được sự  tan rã của  xã hội nguyên thủy;  - Rèn luyện kỉ năng  nêu và đánh giá vấn đê, so sánh...  **3. Phẩm chất**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra | Trên giấy kết hợp trắc nghiêm và tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | **1**. Kiến **thức**  + Đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thuỷ  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  **2. Năng lực**  +Trình bày được nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ  + Nêu được tác động cảu điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành cac quốc gia cổ đại  + Nhận xét về xã hội thời cổ đại  + Đánh giá các thành tựu văn hoá thời cổ đại  **3. Phẩm chất**  Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra | Trên giấy kết hợp trắc nghiêm và tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | **1**. Kiến **thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Nhà nước Văn Lang Âu Lạc  + Chính sách cai trị của các triều đại phương Bắc đối với nước ta  **2. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề  + biết trình bày một bài lịch sử  **3. Phẩm chất**   Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra. | Trên giấy kết hợp trắc nghiêm và tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút |  | **1. Kiến thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Các cuộc khởi nghĩa  + Chiến thắng bước ngoặt  + Nhà nước Chăm Pa, Âu Lạc  **2. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề ở mục kiến thức  + biết trình bày một bài lịch sử  **3. Phẩm chất**   - Hình thành ý thức nghiêm túc, tự giác, trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập. | Trên giấy kết hợp trắc nghiêm và tự luận |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ PHÓ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Nghi Sơn,, ngày tháng 8 năm 2021…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Vũ Thị Hà*

**Phụ lụcII**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:THCS VÀ THPT NGHI SƠN**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: LỊCH SỬ, LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022.)

**1. Khối lớp: 6 ; Số học sinh: 105.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủđề  (1) | Yêucầucầnđạt  (2) | Sốtiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủtrì  (6) | Phốihợp  (7) | Điềukiệnthựchiện  (8) |
| 1 | Nguồngốcloàingười | -HS môtảđượcquátrìnhtiếnhóatừVượnthànhngườitrêntráiđất.  -Xácđịnhđượcdấutíchcủangườitốicổ ở ĐôngNam Á vàViệt Nam. | 02 | Tuần 5,6(Tháng 10/2021) | Phònghọc | GV bộ môn. | Tổ CM | -Tivi, máytính, tranhảnh. |
| 2 | Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc( Chọn tiết 1) | -HS nắm được thời gian thành lập Nhà nước Văn Lang.  -Vẽ được sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước VL.  -Nêu được ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước VL. | 01 | Tuần 23  (Tháng3/2022) | Phònghọc | GV bộmôn. | Tổ CM | -Máy tính, tivi  - Bản đồ thể hiện nước Văn Lang Âu Lac  - video về đời sống xã hội và phong tục của ngừoi văn Lang Âu Lạc |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ PHÓ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Bình Minh, ngày …. tháng 8 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Vũ Thị Hà*

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số /BGDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THCS VÀ THPT NGHI SƠN  **TỔ: NGỮ VĂN**  Họ và tên giáo viên: VŨ TRỌNG HOÀNG | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Tiết PPCT  (3) | | Thời điểm  (4) | | Yêu cầu cần đạt của bài học  (5) | Thiết bị dạy học  (6) | Địa điểm dạy học  (7) |
|  | |  |
| 1 | Bài1.Lịch sử và cuộc sống | 1 | | 1 | 1 | | - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. | Máy tính, tivi  -Tranh chụp về các sự kiện  - Tranh ảnh về một số hiện vật lịch sử cổ- trung đại | Lớp học |
| 2 | Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử | 1 | | 2 | 2 | | - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu(tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết). | Máy tính, tivi  - Tranh ảnh về một số hiện vật lịch sử cổ- trung đại  - phim khai quật di tích hoàng thành thăng long | Lớp học |
| 3 | Bài 3. Thời gian trong lịch sử | 1 | | 3 | 3 | | - Cách tính thời thời gian trong lịch sử theo duơng lịch và âm lịch.  - Cách tính thời gian theo Công lịch và những quy ước gọi thời gian theo chuẩn quốc tế | Máy tính, tivi  - Tờ lịch treo tường | Lớp học |
| 4 | Bài 4, Nguồn gốc loài người | 2 | | 4.5 | 4.5 | | - Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.  - Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam. | Máy tính, tivi  - Bản đồ dấu tích khảo cổ trên đất nước Việt Nam và khu vực ĐNA  - Tranh các hiện vật khảo cổ học  - Phim về các hiện vật khảo cổ học tiêu biểu | Lớp học |
| 5 | Bài 5. Xã hội nguyên thủy | 2 | | 6.7 | 6.7 | | - Các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).  - Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.  Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam | Máy tính, tivi  - Phim mô phỏng đời sống xã hội nguyên thuỷ | Lớp học |
| 6 | Bài 6. Sự chuyển và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ | 2 | | 8.9 | 8.9 | | Quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  **-** Sựtan rã của xã hội nguyên thuỷ và sự hình thành xã hội có giai cấp trên thế giới và ở Việt Nam.  **-** Sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên **t**huỷ ở phương Đông | Máy tính, tivi | Lớp học |
| 7 | Kiểm tra giữa kỳ I | 1 | | 10 | 10 | | Kiến **thức**  **+** Kiểm tra kiến thức trong 5 bài đã học (bài 1 đến bài 5)  **Năng lực**  + Nêu tên và tình bày được ý nghĩa của các loại tư liệu lịch sử  + Nêu được sự xuất hiện con người trên Trái Đất  + Trình bày được sự khác nhau giữa người tối cổ và người Tinh khôn về hình dáng, công cụ, tổ chức xã hội  + giải thích được sự  tan rã của  xã hội nguyên thủy;  - Rèn luyện kỉ năng  nêu và đánh giá vấn đê, so sánh...  **Phẩm chất**  - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra.. | Đề kiểm tra, | Lớp học |
| 8 | Bài 7 . Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | 3 | | 11,12,13 | 11,12,13 | | - Điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.  - Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.  - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. | Máy tính, tivi  - Bản đồ Ai cập, Lưỡng Hà cổ đại | Lớp học |
| 9 | Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 3 | | 14,15,16 | 14,15,16 | | **+** Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại.  + Xã hội Ấn Độ cổ đại.  + Những thành tựu văn hoá tiêu biểu. | Máy tính, tivi  -Bản đồ Ấn độ cỏ đại | Lớp học |
| 10 | Ôn tập học kỳ | 1 | | 17 | 17 | | + Lịch sử là gì, cách tính thời gian trong lịch sử  + Xã hội nguyên thuỷ  + Ai cập, Lưỡng Hà,và Ấn Độ cổ đai | Máy tính, tivi | Lớp học |
| 11 | Kiểm tra học kỳ | 1 | | 18 | 18 | | . Kiến **thức**  + Đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thuỷ  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  **. Năng lực**  +Trình bày được nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ  + Nêu được tác động cảu điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành cac quốc gia cổ đại  + Nhận xét về xã hội thời cổ đại  + Đánh giá các thành tựu văn hoá thời cổ đại  **. Phẩm chất**  Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra. | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 12 | Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2 | | 19,20 | 19 | | + Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  +Sơ lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ 7.  + Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc thời kỳ này. | Máy tính, tivi  - Bản đồ Trung Quốc cổ đại | Lớp học |
| 13 | Bài 10. Hy Lạp -Rô Ma cổ đại | 3 | | 21,22,23 | 20,21 | | - Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, La mã cổ đại. - Nhà nước Hy Lạp, La Mã cổ đại. - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã thời kì này. | Máy tính, tivi  - Bản đồ Hy Lạp, La Mã cổ đại | Lớp học |
| 14 | Bài 11. Các quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á | 2 | | 24,25 | 21,22 | | -Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. | Máy tính, tivi  - Bản đồ Đông Nam Á cổ đại | Lớp học |
| 15 | Bài 12. Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở ĐNA (thế kỷ VII-X) | 1 | | 26 | 22 | | - Một số đặc điểm căn bản về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X | Máy tính, tivi  -Bản đồ Đông Nam Á khoảng thế kỉ VII  Bản đồ Đông Nam Á thế kỉ X | Lớp học |
| 16 | Bài 13. Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỷ X | 1 | | 27 | 23 | | Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu công nguyên đến thế kỷ 10 | Máy tính, tivi  -Bản đồ thể hiện hoạt động thương mại trên biển đông  - Video về ngôi đền nổi tiếng Barabodur  -Video về văn hoá Ốc eo | Lớp học |
| 17 | Bài 14. Nhà nước Văn Lang Âu Lạc | 4 | | 28,29,30.31 | 23,24  ,25 | | - Quá trình dựng nước và buổi đầu giữ nước của tổ tiên người Việt.  - Những nhà nước cổ đại đầu tiên của người Việt: nước Văn Lang và nước Âu Lạc  - Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc  - Những phong tục trong văn hoá Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang – Âu Lạc. | Máy tính, tivi  - Bản đồ thể hiện nước Văn Lang Âu Lac  - video về đời sống xã hội và phong tục của ngừoi văn Lang Âu Lạc | Lớp học |
| 18 | Bài 15. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương bắc và sự chuyển biến của xã hội âu Lạc | 3 | | 32,33,34 | 25,26 | | **+** chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc:Tổ chức bộ máy cai trị, chính sách bóc lột về kinh tế ra văn hóa về văn hóa xã hội  + những chuyển biến về kinh tế, thế xã hội, I văn hóa ở Việt Nam thời Pháp thuộc  + Cuộc chiến chống đồng hóa, Tiếp thu văn hóa bên ngoài và bảo tồn văn hóa Việt | Máy tính, tivi  - Bản đồ Việt Nam dưới thời Bắc thuộc | Lớp học |
| 19 | Ôn tập |  | | 35 | 27 | | + Trung quốc, Hy lạp, La Mã và các nước Đông Nam Á  + Nhà nước Văn Lang, Âu Lac  + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Băc đối với nước ta | Máy tính, tivi | Lớp học |
| 20 | Kiểm tra giữa kỳ 2 |  | | 36 | 27 | | . Kiến **thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Nhà nước Văn Lang Âu Lạc  + Chính sách cai trị của các triều đại phương Bắc đối với nước ta  **. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề  + biết trình bày một bài lịch sử  **. Phẩm chất**   Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra. | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 21 | Bài 16. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X | 5 | | 37,38,39,40,41 | 28,29,30 | | Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trước thế kỉ X | Máy tính, tivi  -Video tóm tắt các cuộc khởi nghĩa | Lớp học |
| 22 | Bài 17. Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt | 1 | | 42 | 30 | | - Cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. | Máy tính, tivi  Video giới thiệu về một số di tích lịch sử Việt nam | Lớp học |
| 23 | Bào 18. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉX | 2 | | 43,44 | 31 | | -Những sự kiện dẫn đến bước ngoặt trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta vào thế kỉ X | Máy tính, tivi  Video tóm tắt về cuộc vận động tự chủ và chiến thắng Bạch Đằng 938 | Lớp học |
| 24 | Bài 19. Vương quốc Cham pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 2 | | 45,46 | 32 | +Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham Pa  + Những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của cư dân Cham Pa  + Một số thành tựu văn hóa Cham pa | | Máy tính, tivi  Bản đồ Cham Pa từ thế kỉ I TCN đến thế kỉ XV  - Video | Lớp học |
| 25 | Bài 20. Vương quốc Phù Nam | 2 | | 47,48 | 33 | +Qua trình hình thành, phát triển suy vong của vương quốc Phù Nam; những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của phù Nam; một số thành tựu văn hóa của Phù Nam | | Máy tính, tivi  Bản đồ Phù Nam từ thế kỉ I TCN đến thế kỉ XV | Lớp học |
| 26 | Lịch sử địa phương | 1 | | 49 | 34 | + Thanh Hóa thời tiền sử  + Thah Hóa thời Văn Lang Âu Lac  + Thanh hóa thời kỳ Bắc thuộc | | Máy tính, tivi | Lớp học |
| 27 | Ôn tập | 1 | | 50 | 34 | + Ôn tâp Tổng hợp kiến thức học kỳ 2 | | Máy tính, tivi | Lớp học |
| 28 | Kiểm tra cuối học kỳ 2 | 1 | | 51 | 35 | **. Kiến thức**  + Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá cảu cac quốc gia cổ đại  + Các cuộc khởi nghĩa  + Chiến thắng bước ngoặt  + Nhà nước Chăm Pa, Âu Lạc  **. Năng lực**  + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề ở mục kiến thức  + biết trình bày một bài lịch sử  **. Phẩm chất**   - Hình thành ý thức nghiêm túc, tự giác, trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập | | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 29 | Chữ bài kiểm tra, đánh giá cuối năm | 1 | | 52 | 35 | * Chữ bài kiểm tra HK * Đánh giá quá trình học tập của từng em * Giao nhiệm vụ học tập trong hè | |  | Lớp học |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | Địa điểm dạy học  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THCS VÀ THPT NGHI SƠN  **TỔ: Văn sử** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN (PHỤ LỤC I)**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA LÍ 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5 Số học sinh: 220

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 7;

**Trình độ đào tạo**: Đại học: 4........

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên** [[3]](#footnote-4)**:** Tốt: 100%

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính xách tay cá nhân  Ti vi | Máy tính 1 bộ  Ti vi mỗi phòng 1 cái | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Tranh ảnh, bản đồ | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV khai thác hiệu quả |
| 3 | Đồ dùng trực quan | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn | 01 | Sinh hoạt tổ - nhóm chuyên môn | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ - nhóm |
| 2 | Phòng đa năng | 01 | Dạy các tiết chủ đề,chuyên đề | GV đăng kí sử dụng |
| 3 | Phòng ĐDDH | 01 | Lưu giữ ĐDDH | GV kí mượn – trả |

**II. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | **1. Kiến thức:** Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống  **2. Năng lực: S**ử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất:** Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 2 | Hệ thống kinh, vĩ tuyến, tọa độ địa lí | 1 | ***1. Kiến thức:*** Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ vàkinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết sử dụng quả Địa Cầu để nhận biết các kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc,vĩ tuyến gốc, bán cầu Đông, bán cầu Tây, bán cầu Bắc, bán cầu Nam. Biết đọc và ghi toạ độ địa lí của một địa điểm trên quả Địa Cầu. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, ý thức và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thôngqua xác định các điểm cực của đất nước trên đất liền.. |
| 3 | Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | 1 | **1. Kiến thức**: Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đổ. Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và đời sống  **2. Năng lực: N**ăng lực tìm hiểu địa lí: - Xác định phương hướng trên bản đồ.So sánh sự khác nhau giữa các lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Tôn trọng sự thật về hình dạng, phạm vi lãnh thổ của các quốc gia và vùng lãnh thổ.. |
| 4 | Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế. | 1 | **1. Kiến thức**: Biết được tỉ lệ bản đổ là gì, các loại tỉ lệ bản đổ  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: Tính khoảng cách thực tế giữa hai điểm dựa vào tỉ lệ bản đổ. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 5 | Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ | 1 | **1. Kiến thức**: Hiểu rõ khái niệm ký hiệu bản đồ là gì? Biết các loại ký hiệu được sử dụng trong bản đồ. Biết dựa vào bản đồ lý giải để tìm hiểu đặc điểm các đối tượng địa lý trên bản đồ  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: - Đọc được các kí hiệu và chú giải trên các bản đồ.Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đổ.Biết tìm đường đi trên bản đồ. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có**.** Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 6  7 | Lược đồ trí nhớ | 2 | **1. Kiến thức**: Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ.  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: Vẽ được lược đồ trí nhớ về một số đối tượng địa lí thân quen. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Thêm gắn bó với không gian địa lí thân quen, yêu trường lớp, yêu quê hương. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 8 | Trái đất trong hệ mặt trời | 1 | **1. Kiến thức**: Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác. Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: Quan sát các hiện tượng trong thực tế để biết được hình dạng của Trái Đất. ận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Mong muốn tìm hiểu, yêu quý và bảo vệ Trái Đất. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 9 | Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 1 | **1. Kiến thức**: Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**:Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 10  11 | Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | **1. Kiến thức**: Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu. Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết dùng quả Địa Cầu và mô hình hoặc hình vẽ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trờiđể trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết cách thích ứng với thời tiết của từng mùa  Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Tôn trọng các quy luật tự nhiên: quy luật mùa,... Yêu thiên nhiên, cảnh vật các mùa. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học . Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 12 | Xác định phương hướng ngoài thực tế |  | **1. Kiến thức**: Xác định dược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên.  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: - Biết cách xác định phương hướng dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượngtự nhiên.- Biết quan sát và sử dụng các hiện tượng thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống hằng ngày**.** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có**.** Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Gần gũi, gắn bó hơn với thiên nhiên xung quanh. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 13 | Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | 1 | **1. Kiến thức**: Trình bày đuọc cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nêu và xác định được trên lược đổ tên 7 địa mảng (mảng kiến tạo) lớn của vỏ Trái Đấtvà tên các cặp địa mảng xô vào nhau. Sử dụng hình ảnh để xác định được cấu tạo bên trong của Trái Đất. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 14 | Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | 1 | **1. Kiến thức**: Phân biệt được quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi  **2. Năng lực:** Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nhận biết một số dạng địa hình do quá trình nội sinh, ngoại sinh tạo thành quahình ảnh.Phân tích hình ảnh để trình bày được hiện tượng tạo núi. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**: Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên. Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học. Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 15 | Núi lửa và động đất | 1 | **1. Kiến thức**: Trình bày được nguyên nhân hình thành núi lửa, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra. Trình bày được thế nào là động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra. Biết cách úng phó khi có núi lứa và động đất  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng hình ảnh, sơ đồ để tìm hiểu cấu tạo.Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ do động đất và núi lửa gây ra. Có kĩ năng ứng phó khi động đất và núi lửa xảy ra.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Biết đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ những người ở khu vực chịu ảnh hưởng của động đất, núi lửa  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học |
| 16  17 | Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản | 2 | **1. Kiến thức**: Phân biệt được các dạng địa hình chinh trén Trái Đất. Kể dược tén một số loại khoáng sản. Có ỷ thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản.  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 18 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 |  |
|  | KT, ĐG cuối kì 1 | 1 |  |
| 20 | Thực hành: Đọc lược đồ tỉ lệ lớn và địa hình đơn giản | 1 | **1. Kiến thức**: Đọc được lược đò địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 21  22 | Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | 2 | **1. Kiến thức**: Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển. Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu. Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một sổ khối khí. Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuờng xuyên trên Trái Đất. Biết cách sử dụng khi áp kế. Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 23  24 | Nhiệt độ không khí. Mây và mưa |  | **1. Kiến thức**: Trình bày được sự thay đồi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ. Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa. Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 25  26 | Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | **1. Kiến thức**: Phân biệt được thời tiết và khí hậu. Trình bày được khái quát đặc điềm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất. Nếu được một số biểu hiện của biến đồi khí hậu.  Trình bày được một sổ biện pháp phòng tránh thiên tai và  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm:  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 27 | Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa | 1 | **1. Kiến thức**: Phân tích đuọo biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. Xác định đưxỵc đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 28 | Thủy quyển và vòng tuần hoàn của nước | 1 | **1. Kiến thức**: Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển. Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. Có ỷ thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 29  30 | Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 2 | **1. Kiến thức**: Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà. Có ý thúc sử dụng hợp li và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 31 | Biển và đại dương | 1 | **1. Kiến thức**: Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 32  33 | Lớp đất trên Trái Đất | 2 | **1. Kiến thức**: Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất. Trình bày được một số nhàn tố hình thành đất. Kể được và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điền hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đói. Có ý thức sử dụng họp lí và bảo vệ đất.  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 34 | Sự sống trên trái đất | 1 | **1. Kiến thức**: Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương. Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 35 | Ôn tập học kì 1 | 1 |  |
| 36 | KT, ĐG cuối kì 1 | 1 |  |
| 37 | Rừng nhiệt đới | 1 | **1. Kiến thức**: Trình bày được đặc điềm cùa rừng nhiệt đới. Có ý thức báo vệ rừng  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 38 | Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | 1 | **1. Kiến thức**: Nêu được đặc điểm của các đói thiên nhiên trên Trái Đất. Xác định dược trên bản đổ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 39  40 | Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | 2 | **1. Kiến thức**: Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 41  42 | Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | 2 | **1. Kiến thức**: Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phàn bố dàn cư trên thế giới. Đọc được biểu đò quy mô dàn số thế giới. Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dàn nhất thế giới  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 43  44 | Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | 2 | **1. Kiến thức**: Nêu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất  **2. Năng lực**  - Năng lực tìm hiểu địa lí:  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  -Trách nhiệm: Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 45 | Ôn tập giữa kì II |  |  |
| 46 | KT, ĐG giữa kì II |  |  |
| 47  48 | Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các TNTN vì sự phát triển bền vững | 2 | **1. Kiến thức**: Nêu đuọc ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững. Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 49  50 | Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | 2 | **1. Kiến thức**: Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ỏ' địa phương. Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương  **2. Năng lực**  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học  - Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học. |
| 51 | **Ôn tập cuối kì II** | 1 |  |
| 52 | KT, ĐG cuối kì II | 1 |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN**  **Tổ phó** |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phụ lụcII**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:THCS VÀ THPT NGHI SƠN**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: Địa Lí, LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022.)

**1.5. Môn Địa lí:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) |
|  | Con người và thiên nhiên | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người  - Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất  - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.  - Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương  - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ỏ' địa phương.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | 4 | Tuần 34 | Khu vực bãi Vịnh đảo Nghi Sơn | GV trực tiếp giảng dạy | Tổ CM | Trời nắng ráo  -Dụng cụ quan sát và siêu tầm thiên nhiên |

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạidi sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ PHÓ** | *Nghi Sơn, ngày 10 tháng 8 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG** |

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS &THPT NGHI SƠN**  **TỔ: Ngữ Văn**  **Họ và tên giáo viên:** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA LÍ, LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

**Cả năm 35 tuần = 52 tiết.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết ppct** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt của bài học** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
|  |  |  |  |  | **HỌC KÌ 1**  **18 tuần = 36 tiết** |  |  |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | 1 | Tuần 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống | - Quả địa cầu. |  |
| 2 | CHƯƠNG 1: BẢN ĐỒ-PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT  Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí | 1 | 2 | Tuần 1 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến | - Quả địa cầu.  - tivi,laptop | Lớp học |
| 3 | Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | 1 | 3 | Tuần 2 | - Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đổ.  - Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.  - Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và đời sống | - Tranh về các hướng chính  - Tivi,laptop | Lớp học |
| 4 | Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ. | 1 | 4 | Tuần 2 | - Biết được tỉ lệ bản đổ là gì, các loại tỉ lệ bản đồ | -Bản đồ hành chính của tỉnh Thanh Hóa.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 5 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ, Tìm đường đi trên bản đồ | 3 | 5 | Tuần 3 | + Hiểu rõ khái niệm ký hiệu bản đồ là gì  + Biết các loại ký hiệu được sử dụng trong bản đồ. | -Bản đồ Hành chính Việt Nam.  - tivi. laptop | Lớp học |
| 6 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ, Tìm đường đi trên bản đồ | 3 | 6 | Tuần 3 | + Biết dựa vào bản đồ lý giải để tìm hiểu đặc điểm các đối tượng địa lý trên bản đồ | -Bản đồ Hành chính Việt Nam.  - tivi. laptop | Lớp học |
| 7 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ, Tìm đường đi trên bản đồ | 3 | 7 | Tuần 4 | + Biết cách đọc bản đồ, tìm đường đi ngoài thực địa. | -Bản đồ Hành chính Việt Nam.  - tivi. laptop | Lớp học |
| 8 | Bài 5: Lược đồ trí nhớ | 1 | 8 | Tuần 4 | - Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ. | - Tranh vẽ sơ đồ trường, lớp học  - tivi, laptop | Lớp học |
| 9 | **CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | 1 | 9 | Tuần 5 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất | - Quả địa cầu.  - Tranh về các hành tinh trong hệ mặt Trời.  - Tranh về kích thước của Trái Đất.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 10 | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 2 | 10 | Tuần 5 | - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, | - Quả địa cầu.  - Bản đồ Các khu vực giờ trên thế giới  tivi, laptop | Lớp học |
| 11 | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả |  | 11 | Tuần 6 | giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất | - Quả địa cầu.  - Bản đồ Các khu vực giờ trên thế giới  tivi, laptop | Lớp học |
| 12 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | 12 | Tuần 6 | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu. | - Quả địa cầu.  -tivi, laptop | Lớp học |
| 13 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | 13 | Tuần 7 | - Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ. | - Quả địa cầu.  -tivi, laptop | Lớp học |
| 14 | Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế | 1 | 14 | Tuần 7 | Xác định dược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên | - La bàn.  - Tranh về các hướng chính | Lớp học |
| 15 | **CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT**  Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | 1 | 15 | Tuần 8 | • Trình bày đuọc cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.  • Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau | - Quả địa cầu  -Tranh Cấu tạo bên trong của Trái Đất.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 16 | Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | 1 | 16 | Tuần 8 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh  trong hiện tượng tạo núi | - Tranh ảnh, video về các quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Tranh về các mảng kiến tạo lớn trên Trái Đất  - tivi, laptop | Lớp học |
| 17 | Ôn tập |  | 17 | Tuần 9 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đổ.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ. khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất | - tivi, laptop | Lớp học |
| 18 | Kiểm tra giữa kì 1  2/3 Địa lý, 1/3 lịch sử. |  | 18 | Tuần 9 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đổ.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ. khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 19 | Bài 12: Núi lửa và động đất | 1 | 19 | Tuần 10 | - Trình bày được nguyên nhân hình thành núi lửa, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước  khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra.  - Trình bày được thế nào là động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi  xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra.  - Biết cách úng phó khi có núi lứa và động đất | -Mô hình Cấu tạo và hoạt động của một núi lửa.  - Tranh ảnh, video về tác hại của hoạt động núi lửa.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 20 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản | 2 | 20  Các dạng địa hình chính trên Trái Đất | Tuần 10 | • Phân biệt được các dạng địa hình chinh trên Trái Đất. | -Tranh ảnh về các dạng địa hình.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 21 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản |  | 21  Khoáng sản | Tuần 11 | • Kể dược tên một số loại khoáng sản.  • Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản | - tivi, laptop | Lớp học |
| 22 | Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 1 | 22 | Tuần 11 | Đọc được lược đò địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | * tivi, laptop | Lớp học |
| 23 | **CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**  Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | 2 | 23.  Lớp vỏ khí (Thành phần của không khí, Các tầng khí quyển, Khối khí) | Tuần 12 | • Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  • Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  • Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một sổ khối khí. | -Mô hình Các tầng khí quyến.  - Khí áp kế.  - Mô hình Các đai khí áp và gió chinh trẽn Trái Đất  tivi, laptop | Lớp học |
| 24 | Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | 2 | **Tiết 24**: Khí áp và gió | Tuần 12 | • Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuờng xuyên trên Trái Đất.  • Biết cách sử dụng khi áp kế.  • Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn | - tivi, laptop | Lớp học |
| 25 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | 2 | **Tiết 25**: Nhiệt độ không khí | Tuần 13 | • Trình bày được sự thay đồi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ. | -Nhiệt kế.  - Lược đồ phân bố lượng mưa trên Trái Đất  tivi, laptop | Lớp học. |
| 26 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | 2 | **Tiết 26**: Mây và mưa | Tuần 13 | • Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  • Biết cách sử dụng nhiệt ké, ẩm kế | - tivi, laptop | Lớp học |
| 27 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | **Tiết 27**: Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu | Tuần 14 | • Phân biệt được thời tiết và khí hậu.  • Trình bày được khái quát đặc điềm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất. | - Lược đồ Các đới khi hậu trên Trái Đất.  - Tranh ảnh và video về tác động của sự biến đổi khí hậu trên Trái Đất.  tivi, laptop | Lớp học |
| 28 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | **Tiết 28**: Biến đổi khí hậu | Tuần 14 | • Nêu được một số biểu hiện của biến đồi khí hậu.  • Trình bày được một sổ biện pháp phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu | - tivi, laptop | Lớp học |
| 29 | Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa | 1 | 29 | Tuần 15 | • Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  • Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới | - Biếu đồ nhiệt độ. lượng mua tại trạm Láng (Hà Nội).  - Tranh Các đới khi hậu trên Trái Đắt  tivi, laptop | Lớp học |
| 30 | **CHƯƠNG 5: NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn của nước | 1 | 30 | Tuần 15 | • Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  • Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  • Có ỷ thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước | - Mô hình Vòng tuần hoàn lớn của nước  - tivi, laptop | Lớp học |
| 31 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 2 | **Tiết 31**: Sông và hồ | Tuần 16 | • Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  • Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. | - Mô hình hệ thống sông.  tivi, laptop | Lớp học |
| 32 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 2 | **Tiết 32**: Nước ngầm và băng hà | Tuần 16 | • Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  • Có ý thúc sử dụng hợp li và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà | - Sơ đồ sự hình thành nước ngầm  tivi, laptop | Lớp học |
| 33 | Bài 21: Biển và đại dương | 2 | **Tiết 33**.  1/ Đai dương thế giới  2/ Độ muối, nhiệt độ của nước biển | Tuần 17 | • Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  • Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. | -Lược đồ Biển và đại dương trên thế giới.  tivi, laptop  - Lược đồ Các dóng biển trong đại dương thế giới.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 34 | Bài 21: Biển và đại dương | 2 | **Tiết 34**  3/ Một số dạng vận động của biển và đại dương.  Luyện tập và vận dụng | Tuần 17 | • Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển | - tivi, laptop | Lớp học |
| 35 | Ôn tập |  | **35** | Tuần 18 | • Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  • Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  • Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  • Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển | - tivi, laptop | Lớp học |
| 36 | Kiểm tra cuối kì 1  2/3 Địa lý, 1/3 lịch sử. |  | **36** | Tuần 18 | • Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  • Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  • Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  • Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển |  | Lớp học |
|  |  |  |  |  | **HỌC KÌ II**  **17 tuần = 17 tiết** |  |  |
| 37 | **CHƯƠNG 6: ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất | 2 | **Tiết 37**: Các tầng đất. Thành phần của đất | Tuần 19 | • Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất. | - tivi, laptop  - Mô hình các tầng đất.  - Lược đồ Phân bố các nhóm đắt điến hình trên Trái Đất | Lớp học |
| 38 | Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất | 2 | **Tiết 38**: Các nhân tố hình thành đất. Một số loại đất | Tuần 20 | • Trình bày được một số nhàn tố hình thành đất.  • Kể được tén và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điền hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đói.  • Có ỷ thức sử dụng họp lí và bảo vệ đất. | - tivi, laptop | Lớp học |
| 39 | Bài 23: Sự sống trên Trái Đất | 1 | 39 | Tuần 21 | • Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.  • Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất | -Tranh ảnh, video về Sinh vặt dưới đại dương.  -Tranh ảnh, video về sinh vật trên mặt đất. | Lớp học |
| 40 | Bài 24: Rừng nhiệt đới | 1 | 40 | Tuần 22 | • Trình bày được đặc điềm cùa rừng nhiệt  • Có ý thức báo vệ rừng | -Tranh ảnh về rừng nhiệt đới.  tivi, laptop | Lớp học |
| 41 | Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | 1 | 41 | Tuần 23 | • Nêu được đặc điểm của các đói thiên nhiên trên Trái Đất.  • Xác định dược trên bản đổ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. | - Lược đồ Các đới thiên nhiên trên Trái Đất  tivi, laptop | Lớp học |
| 42 | Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | 1 | 42 | Tuần 24 | • Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.  • Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên | -Tranh ảnh, video về thiên nhiên của tỉnh mình.  tivi, laptop | Lớp học |
| 43 | Ôn tập |  | 43 | Tuần 25 | • Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất.  • Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.  • Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất |  |  |
| 44 | Kiểm tra giữa kì 2  1/3 Địa lý, 2/3 lịch sử. |  | 44 | Tuần 26 | • Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất.  • Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.  • Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất |  |  |
| 45 | **CHƯƠNG 7: CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**  Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | 2 | **Tiết 45**: Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư | Tuần 27 | • Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phàn bố dàn cư trên thế giới.  • Đọc được biểu đò quy mô dàn số thế giới. | - Lược đồ phân bố dân cư thế giới.  - Lược đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới, năm 2018  - tivi, laptop | Lớp học. |
| 46 | Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | 2 | **Tiết 46**: Tìm hiểu một số thành phố đông dân trên thế giới | Tuần 28 | • Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới | - Lược đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới, năm 2018  - tivi, laptop | Lớp học |
| 47 | Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | 2 | **Tiết 47**: Tác động của thiên nhiên đến con người | Tuần 29 | • Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. | -Tranh ảnh, video về những tác động của con người tới môi trường thiên nhiên.  - tivi, laptop | Lớp học |
| 48 | Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | 2 | **Tiết 48**: Tác động của con người đến thiên nhiên | Tuần 30 | • Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất | - tivi, laptop | Lớp học |
| 49 | Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững | 1 | 49 | Tuần 31 | •Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.  • Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương | - Tranh ảnh, video về các giải pháp khai thác tài nguyên thiên nhiên thông minh  - tivi, laptop | Lớp học |
| 50 | Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | 1 | 50 | Tuần 32 | • Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ỏ địa phương.  • Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương | - Tranh ảnh về tác động cảu con người tới môi trường tự nhiên và các giải pháp hợp lí để bảo vệ môi trường tự nhiên. | Lớp học |
| 51 | Ôn tập cuối kì 2 | 2 | 51 | Tuần 33 | Ôn tập toàn bộ phần kiến thức và kĩ năng từ bài 22 đến bài 30 | - tivi, laptop | Lớp học |
| 52 | Kiểm tra cuối kì 2  1/3 Địa lý, 2/3 lịch sử.53 | 1 | 52 | Tuần 35 | • Nêu được các tầng đất và các thành phần chinh của đất.  • Nêu dược vi dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương.  • Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất | -Đề kiểm tra | Lớp học |

**2. Chuyên đề lựa chọn** (đối với cấp trung học phổ thông)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | Địa điểm dạy học  (5) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

*(1)Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường)theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.*

*(3) Tiết theo phân phối chương trình*

*(4) Thời điểm thực hiện bài học/chuyên đề.*

*(5) Yêu cầu cần đạt*

*(6) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.*

*(7) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).*

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục)*

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *Nghi sơn, ngày 10 tháng 8 năm 2021*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  ***Vũ Trọng Hoàng*** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-2)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-3)
3. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-4)